TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2018/HS-ST;
Ngày: 10/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Hoàng Huy**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Từ Ngọc Viễn**;

Bà **Nguyễn Thị Hơn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Phạm Vân Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Thanh Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2018/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HS ngày 24/4/2018 đối với các bị cáo:

1. **Trần Đức D**, sinh năm 1995, tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: Số 13/48, đường L, Phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con Trần Văn S và bà Đào Thị Phượng H; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: - Ngày 15/9/2009, bị Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đưa vào Cơ sở giáo dục thời hạn 06 tháng về hành vi "Trộm cắp tài sản" (QĐ số 2825/QĐUB).- Ngày 28/10/2010, bị Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đưa vào Cơ sở giáo dục thời hạn 18 tháng về hành vi "Trộm cắp tài sản" (QĐ số 7252/QĐUB).- Ngày 17/12/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố M xử phạt 07 tháng 15 ngày tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 194/2012/HSST). Bị cáo

phạm tội khi chưa thành niên và đã chấp hành xong bản án vào ngày 27/3/2013.- Ngày 10/5/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" (Bản án số 115/2013/HSPT). Bị cáo phạm tội khi chưa thành niên và đã chấp hành xong bản án vào ngày 17/6/2014; bị bắt tạm giữ ngày 17/10/2017, tạm giam từ ngày 23/10/2017 (Có mặt).

2. **Nguyễn Phước T**, sinh năm 1987, tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: Số 66/4, L, Phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vô danh và bà Nguyễn Thị M; có vợ: Huỳnh Cẩm T và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 13/7/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố M xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" (Bản án số 85/HSST ngày 13/7/2009). Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 10/10/2012; bị bắt tạm giữ ngày 18/10/2017, tạm giam từ ngày 24/10/2017 (có mặt).

- *Bị hại*: **Dương Thị Mỹ L**, sinh năm 1978 (xin vắng mặt);

Trú tại: số 804 đường L, phường 5, TP M, Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đến vụ án*:

1. **Nguyễn Cẩm T**, sinh năm 1980 (có mặt);

Trú tại: số 47/6/16/2B đường H, Phường 5, TP M, Tiền Giang.

2. **Bùi Thị Thanh T**, sinh năm 1964 (xin vắng mặt);

Trú tại: số 70 đường N, Phường 7, TP M, Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: số 20 đường N, Phường 1, TP M, Tiền Giang.

3. **Trịnh Văn M**, sinh năm 1964 (xin vắng mặt);

Trú tại: số 20 đường N, Phường 1, TP M, Tiền Giang.

- *Người làm chứng*:

1. **Nguyễn Gia Bảo A**, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Trú tại: số 117 đường L, Phường 5, TP M, Tiền Giang.

2. **Trần Thọ N**, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Trú tại: số 848 đường L, Phường 5, TP M, Tiền Giang.

3. **Hoàng Công H**, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Trú tại: số 848A đường L, Phường 5, TP M, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/10/2017, Nguyễn Phước T điều khiển xe môtô biển số 63B9-745.98 chở Trần Đức D trên đường Lý Thường Kiệt, Phường 5, thành phố M tìm tài sản để cướp giật. Khi đến đoạn trước Chi cục thú y tỉnh Tiền Giang, T nhìn thấy chị Dương Thị Mỹ L điều khiển xe môtô biển số 63B9-253.68 chạy cùng chiều trên baga xe có để 01 ba lô màu xanh nên T nói cho D biết để chiếm đoạt. Khi chị L rẽ vào hẻm sát Chi cục thú y tỉnh Tiền Giang thuộc Tổ 10, Khu phố 3, Phường 5, thành phố M thì T điều khiển xe đuổi theo khoảng 100 mét, chạy vượt lên phía trước xe chị L khoảng 03 mét rồi dừng lại để D nhảy xuống, chạy đến giật ba lô của chị L rồi cả hai bỏ trốn. Sau khi bị cướp giật tài sản, Chị L truy hô cùng ông Trần Thọ N và ông Hoàng Công H đuổi theo truy bắt. Lúc này, T bị té xe nhưng dựng xe lên chạy thoát; riêng D chạy bộ một đoạn và ném ba lô vừa cướp giật được về phía chị L thì bị ông Nguyễn và H và anh Nguyễn Gia Bảo A bắt giữ cùng tang vật giao Công an Phường 5, thành phố M giải quyết. Đến ngày 18/10/2017, T bị bắt giữ để điều tra.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 272 ngày 08/11/2017 của Hội đồng định giá thành phố M kết luận:

- 01 nhẫn nữ vàng 18K trọng lượng 05 phân 07 ly 08 dem, kiểu châu cao HT trị giá 1.416.000 đồng.

- 01 ba lô màu xanh có chữ XPX và số 1984 trị giá 36.000 đồng.

- 01 bóp da loại bóp nữ màu nâu trị giá 120.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 28/QĐ-VKS ngày 13/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M đã truy tố bị cáo Trần Đức D và Nguyễn Phước T về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo D từ 03 năm đến 04 năm tù, bị cáo T từ 03 năm đến 04 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, cùng các

chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/10/2017, Nguyễn Phước T điều khiển xe môtô biển số 63B9-745.98 chở Trần Đức D tìm tài sản để cướp giật. Khi thấy chị L đang điều khiển xe môtô chạy trên đường thì T điều khiển xe đuổi theo và chạy vượt lên phía trước xe chị L khoảng 03 mét rồi dừng lại để D nhảy xuống, chạy đến giật ba lô của chị L rồi cả hai bỏ trốn, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.372.000 đồng nên các bị cáo đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản", các bị cáo sử dụng xe môtô là phương tiện thực hiện tội phạm nên đã phạm vào tình tiết định khung "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999.

[2] Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, mặc dù giữa hai bị cáo có sự phân công, bàn bạc, nhưng không có sự câu kết chặt chẽ nên hành vi của các bị cáo chỉ là hình thức đồng phạm giản đơn, không thuộc trường hợp có tổ chức.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, tạo tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi của các bị cáo gây ra mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm. Cả hai bị cáo có vai trò ngang nhau trong việc thực hiện tội phạm nên chịu mức hình phạt bằng nhau.

[4] Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo nên Tòa án có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Dương Thị Mỹ L đã nhận lại đủ số tài sản bị cướp giật và không yêu cầu bồi thường gì khác nên Tòa không xem xét.

[6] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Trần Đức D** và **Nguyễn Phước T** phạm tội "Cướp giật tài sản".

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Đức D 04 (bốn) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 17/10/2017.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phước T 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2017.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP.M;
- Chi cục THADS TP.M;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

(Đã ký)

Ngô Hoàng Huy